TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST Ngày 29/6/2018. V/v: Hôn nhân gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu Huyền và ông Đào Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2015/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2015 về việc Hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX- ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; *(có mặt)*

- Bị đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1978; *(vắng mặt)*

Đều STQ: Thôn N, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Lưu Thị H người cùng thôn kết hôn với nhau tháng 01 năm 1996, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Cưới xong chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 1 năm 2014. Nguyên nhân là do chị H đi lao động xuất khẩu nhiều năm xa nhau quá lâu, khi về nước vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bản thân anh ham chơi có lúc chơi cờ bạc từ đó vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trầm trọng, bởi vậy vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay, sau khi ly thân anh cũng đã hàn gắn tình cảm cũng như đón chị H về đoàn tụ nhiều lần nhưng chị H kiên quyết không quay về sống đoàn tụ cùng anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho

anh được ly hôn với chị Lưu Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị N sinh ngày 30/5/1997 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 06/01/2000, tính đến nay các con đã đủ tuổi trưởng thành do vậy anh không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không còn gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo bị đơn chị Lưu Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau tháng 01 năm 1996, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Cưới xong chị về nhà anh T làm dâu ngay, Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 3 năm 2015. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm nên đã xảy ra cãi nhau, anh T không quan tâm gì đế mẹ con chị, bản thân chị cũng đã thu xếp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, bởi vậy đến tháng 7 năm 2015 chị đã bỏ về gia đình đẻ sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, kể từ khi ly thân anh T có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị không quay về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng nhận có hai con chung là Nguyễn Thị N sinh ngày 30/5/1997 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 06/01/2000, nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành do vậy không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị có yêu cầu phản tố chia tài sản của vợ chồng, tuy nhiên do chị không trực tiếp có mặt để giải quyết nên chị đã ủy quyền cho ông Lưu Văn S là bố đẻ của chị giải quyết về phần tài sản. Nay chị H (do ông S đại diện theo ủy quyền) đã tự giải quyết với nhau xong, ông Sự đã rút yêu cầu phản tố. Nay không còn gì vướng mắc.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại phiên Tòa anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, chị Lưu Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại khoản 1 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203, Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lưu Thị H.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Do các bên đã tự giải quyết với nhau xong, người đại diện theo ủy quyền của chị H đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố, phía anh T đồng ý không có yêu cầu đề nghị gì. Nay các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Chị H đã viết bản tự khai cũng như Tòa án đã lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Lưu Thị H. Tuy nhiên ngày 16/5/2018 chị H đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và khi xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị H kết hôn với nhau tháng 01/1996 và có đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị H là đảm bảo theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân anh T, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đều đề nghị được ly hôn. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cần giải quyết cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị chị Lưu Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị N sinh ngày 30/5/1997 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 06/01/2000, Tại thời điểm thụ lý giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị M chưa đủ tuổi trưởng thành nên chị H có đề nghị được

nuôi cháu Hải, tuy nhiên tại thời điểm xét xử cháu Hải, cháu Ngọc đã đủ tuổi trưởng thành do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Ngày 17/12/2015 Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của chị H về việc chia tài sản của vợ chồng, trong quá trình giải quyết, chị H ủy quyền cho ông Lưu Văn S để giải quyết về tài sản của vợ chồng, ngày 23/4/2018 ông Lưu Văn S là người đại diện theo ủy quyền của chị H đã xin rút yêu cầu phản tố, anh T đồng ý không có ý kiến gì, do vậy Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2018 đối với yêu cầu phản tố của chị H, nay không còn gì vướng mắc nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Khoản 1 Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 1 điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án. Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lưu Thị H.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai thu số: AA/2014/0002807 ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cảnh Thụy;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Huyền – Đào Xuân Thịnh **Vũ Tân Thịnh**

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cảnh Thụy;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền – Đào Xuân Thịnh **Vũ Tân Thịnh**

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cảnh Thụy;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền – Đào Xuân Thịnh **Vũ Tân Thịnh**

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Lý-Đào Xuân Thịnh **Vũ Tân Thịnh**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Lý-Đào Xuân Thịnh **Vũ Tân Thịnh**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
L- ơng Ngọc Biên- Đào Xuân Thịnh	*Vũ Tân Thịnh*

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
L- ơng Ngọc Biên- Đào Xuan Thịnh	***Vũ Tân Thịnh***

<u>Nơi nhận</u>:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà